

## **GIỚI THIỆU VĂN BIA VĂN CHỈ HAI HUYỆN ĐÔNG THÀNH, YÊN THÀNH, TỈNH NGHỆ AN**

■ Lê Thị Thu Hương

Nói đến lịch sử giáo dục Nho học của nhà nước quân chủ Việt Nam không thể không nhắc đến hệ thống Văn miếu, Văn từ, Văn chỉ. Dưới thời phong kiến, người trí thức Việt Nam coi trọng Văn miếu như tín đồ Phật giáo sùng kính ngôi chùa và tín đồ Thiên chúa giáo ngưỡng mộ nhà thờ của họ<sup>(1)</sup>.

Nghệ An là vùng “đất xấu dân nghèo, tập tục cần kiệm, nhà nông chăm chỉ ruộng nương, học trò ưa chuộng học hành; không mê đạo Phật (không có chùa quán lớn, không làm chay làm tiểu linh đình), chỉ thờ thánh Khổng (từ phủ, huyện đến xã, thôn đều có Văn chỉ)”<sup>(2)</sup>. Tinh thần ham học của người Nghệ An có ý nghĩa lớn đối với tư tưởng Nho gia, góp phần xây dựng xã hội học tập. Tôn thờ Khổng Tử - người sáng lập Nho học, Nghệ An xưa, từ phủ đến huyện, xã, thôn nào cũng có Văn chỉ; hệ thống Văn chỉ, Văn từ, Văn miếu được người dân đặc biệt coi trọng, thường xuyên trùng tu và xây mới.

Chúng tôi tiến hành khảo sát, thống kê văn bia Văn miếu, Văn từ, Văn chỉ của Nghệ An từ các nguồn tư liệu: thác bản bia lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm (do Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội (EFEO) sưu tầm từ những năm đầu thế kỷ XX và Viện Nghiên cứu Hán Nôm sưu tầm những năm cuối thế kỷ XX, những năm đầu của thế kỷ XXI); văn bia trong cuốn *Hoan Châu bi ký* 驩州碑記 (VHv.277), *Quyển Đồi cổ kim sự tích hương biên tiểu dẫn* 瓌堆古今事跡鄉編小引 (A.3154); *Văn bia Nghệ An*<sup>(3)</sup> và thác bản

do tác giả bài viết sưu tầm. Kết quả tổng cộng có 39 văn bia và 1 văn chuông<sup>(4)</sup>, gồm: 1 chuông Văn miếu, 16 bia Văn từ cấp huyện, 6 bia văn từ cấp tổng, 9 bia Văn chỉ cấp xã và 8 bia Văn chỉ cấp thôn. Số văn bia trên được phân bố tại: Thành phố Vinh (1 chuông), Lương Sơn (2 bia), Anh Sơn (2 bia), Đô Lương (1 bia), Đông Thành (5 bia), Yên Thành (5 bia), Nghi Lộc (4 bia), Quỳnh Lưu (4 bia), Nam Đàn (6 bia), Diễn Châu (4 bia), Thanh Chương (6 bia).

Văn từ, Văn chỉ là sự phát triển tiếp nối của Văn miếu. Văn từ dùng để chỉ di tích Nho giáo ở cấp huyện và cấp tổng. Văn chỉ dùng để chỉ di tích của Nho giáo ở cấp xã, thôn. Trên thực tế, tên gọi của di tích không thống nhất, cùng là di tích thờ Nho giáo cấp xã nhưng nơi này gọi là Văn từ, nơi khác gọi là Văn chỉ, Từ vũ, nhà Thánh; có nơi di tích Nho giáo cấp huyện nhưng vẫn gọi là Văn chỉ.

Tại thôn Đông Trai, xã Lý Trai, huyện Đông Thành, tỉnh Nghệ An (nay thuộc xã Diễn Kỳ, huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An) có tấm bia *Vô đề* (không có tên bia), 2 mặt, khổ 63x87cm, gồm 30 dòng chữ Hán, không có hoa văn, không có chữ

húy. Những năm đầu của thế kỷ XX, Viện Viễn Đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội tiến hành sưu tầm, in dập, hiện thác bản lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, kí hiệu N<sup>o</sup> 2430-2431. Niên đại trên thác bản bia ghi là năm Cảnh Hưng thứ 39 (1778). Người sưu tầm ngụy tạo niên đại, đẩy niên đại lên sớm hơn so với thực thể, để niên đại triều Lê, che giấu những thông tin liên quan đến triều Nguyễn để tăng giá trị lịch sử của văn bia. Cuốn *Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 2, trang 134 và cuốn *Khảo sát giám định niên đại thác bản văn bia*, trang 365 cho đó là niên đại ngụy tạo, niên đại ước đoán là năm Thành Thái thứ 4 (1892).

Nội dung văn bia này còn được chép trong cuốn *Hoan Châu bi kí* 驩洲碑記, kí hiệu VHv.277 lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm, tr.23-25, tên bia là *Đông Yên nhị huyện trùng tu Văn chỉ bi* 東安二縣重修文址碑, niên đại Thành Thái Giáp Ngọ (1894).

Người soạn văn bia là Trần Đình Phong 陳廷楓 (1847-?), người thôn Yên Mã, xã Thanh Khê, tổng Thái Trạch, huyện Yên Thành, phủ Diên Châu, tỉnh Nghệ An (nay thuộc xã Mã Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An), Cử nhân năm Bính Tý (1867). Ông từng làm quan Tri huyện Thọ Xuân, sau thăng Đốc học Quảng Ngãi, đậu Tiến sĩ Ân khoa Kỷ Mão niên hiệu Tự Đức thứ 32 (1879). Người viết chữ: Cử nhân Vũ Văn Đề 武文題.

Nội dung: Văn chỉ hai huyện Đông Thành và Yên Thành được xây dựng từ lâu. Năm Bính Tuất bị chiến tranh tàn phá, năm Đinh Hợi xây dựng lại bằng công sức và tiền của của người dân 9 tổng trong huyện. Mặt sau ghi các thửa ruộng, vườn sở hữu của Văn chỉ. Chúng tôi xin giới thiệu nguyên văn chữ Hán,

phiên âm, dịch nghĩa, ảnh thác bản văn bia. Đây là tư liệu quý để tìm hiểu về văn hóa, lịch sử, truyền thống Nho học, nhân danh, địa danh của vùng quê giàu truyền thống hiếu học, khoa bảng.

**Nguyên văn chữ Hán:**

[N<sup>o</sup>2431] 國朝右文教, 崇聖道. 丁祭文廟自國都以至郡邑, 祀典隆矣. 我東安二縣, 文廟有年矣. 丙戌兵燹, 後丁亥冬重修, 正宇拜<sup>(5)</sup>堂各五間, 左右穿堂各叁間. 材木埽瓦工匠諸經費, 取於二縣紳差斂, 九總民均斂, 與諸捐錢望錢, 夫役隨事扒近便. 規畫紳列, 與<sup>(6)</sup>監修原訓導黎君瑟齋協之, 而捐助派扒, 府守阮君竹軒亦悉心焉. 皇皇巨構, 凡六閱月而成. 越叁年, 鳳川范君進之商省務, 規財捐貲, 起左廡. 四年縣列起右廡, 宏廡規模煥<sup>(7)</sup>一新焉.

夫聖道如元氣, 未始一日不存, 而尊其道鑿其祀廟, 寔吾人瞻拜展敬<sup>(8)</sup>地也. 舊基新製, 眾發一心. 鸡山馮水之間<sup>(9)</sup>, 堂壇巋然, 豈曰壯觀耳哉.

聖道之大也, 皇化之洽也, 謹拜手而為之記<sup>(10)</sup>.

賜第叁甲同進士出身, 現授奉誠大夫馬山陳廷楓奉草<sup>(11)</sup>

東安二縣文會仝拜記.

黎朝景興叁十九年良月吉日<sup>(12)</sup>.

舉人武文題奉寫.

**[N<sup>o</sup>2430] 續刻田記**

土宅壹坎: 東西各十二丈壹尺, 南北各五丈七尺.

祠址四圍: 東十二丈壹尺, 西十叁丈七尺, 南十叁丈壹尺, 北十叁丈壹尺并苗芽.

深池壹高五口: 東叁開門, 西北小路, 南秀才張績田交祠人卞理海侯忌.

理海侯置田壹畝: 槽處二所七高, 西幣墀[?]處二所叁高, 交里齋社文會耕作奉祀各節.

棧生供田五畝七高計:

在里齋社壹畝叁高: 中同壹高, 東西各七丈九尺, 南叁丈八尺, 北叁丈捌尺五寸.

西幣式高, 東西各捌丈壹尺, 南北各五丈四尺.

廟同壹畝: 壹高東叁丈六尺, 西式丈五尺, 南七丈四尺五寸, 北七丈式尺; 壹高東七丈, 西七丈五尺, 南式丈四尺, 北二丈壹尺八寸; 式高東七丈式尺, 西南各七丈, 北六丈九尺; 式高東七丈五, 西捌丈壹尺, 南五丈五尺, 北五丈捌尺; 四高東西各捌丈四尺半, 南七丈四尺, 北捌丈五尺九寸.

在文物社泮館處四畝四高: 西橫十丈, 夾安統

# XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

社人名啟田;東橫式十壹丈捌尺,夾安統社人名啟田;南長五十式丈夾小路;北長五十丈捌尺夾安統社人名驚田。

### Phiên âm:

[N<sup>0</sup>2431] Quốc triều hữu văn giáo, sùng thánh đạo. Đinh tế Văn miếu tự quốc đô dĩ chí quận ấp, tự điển long hỹ. Ngã Đông Yên nhị huyện, Văn miếu hữu niên hỹ. Bính Tuất bình tiền hậu, Đinh Hợi đông trùng tu, chính vũ bách đường các ngũ gian, tả hữu xuyên đường các tam gian. Tài mộc, chuyên ngõa, công tượng chư kinh phí, thủ ư nhị huyện thân sai liêm, cửu tổng dân quân liêm, dữ chư quyền tiền vọng tiền, phu dịch tùy sự bát cận tiện. Quy hoạch thân liệt, dữ Giám tu nguyên Huân đạo Lê quân Sát Trai hiệp chi; nhi quyền trợ phái bát, phủ thủ Nguyễn quân Trúc Hiên diệc tất tâm yên. Hoàng hoàng cự cấu, phàm lục duyệt nguyệt nhị thành. Việt tam niên, Phụng Xuyên Phạm quân tiến chi thương tỉnh vụ, quy tài quyền tư, khởi tả giải. Tứ niên huyện liệt khởi hữu giải, hoành xưởng quy mô hoán nhất tân yên.

Phù Thánh đạo như nguyên khí, vị thủy nhất nhật bất tồn, nhi tôn kỳ đạo, bí kỳ tự miếu, thực ngô nhân chiêm bách triển kính địa dã. Cự cơ tân chế, chúng phát nhất tâm. Kê Sơn, Phùng Thủy chi gian<sup>(13)</sup>, đường đàn khuy nhiên, khởi viết tráng quan nhĩ tai! Thánh đạo chi đại dã, hoàng hóa chi hiệp dã.

Cần bách thủ nhi vi chi kí.

Tứ đệ Tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, hiện thụ Phụng Thành Đại phu Mã Sơn Trần Đình Phong phụng thảo.

Đông Yên nhị huyện Văn hội đồng bách kí.

Lê triều Cảnh Hưng tam thập cửu niên lương nguyệt cát nhật.

Cử nhân Vũ Văn Đề phụng tả.

[N<sup>0</sup>2430] TỰC KHẮC ĐIỀN KÍ

Thổ trạch nhất khảm: Đông Tây các

thập nhị trọng nhất xích, Nam Bắc các ngũ trọng thất xích.

Từ chỉ tứ vi: Đông thập nhị trọng nhất xích, Tây thập tam trọng thất xích, Nam thập tam trọng nhất xích, Bắc thập tam trọng nhất xích tính miêu nha.

Thâm trì nhất cao ngũ khẩu: Đông Tam Khai môn, tây bắc tiểu lộ, Nam Tú tài Trương Tích điền, giao từ nhân biện Lý Hải Hậu ky.

Lý Hải hậu trí điền nhất mẫu: Tàu xứ nhị thửa thất cao, Tây Chợ Cồn Di xứ nhị thửa tam cao, giao Lý Trai xã Văn hội canh tác phụng tự các tiết.

Hiệu sinh cúng điền ngũ mẫu thất cao, kê:

Tại Lý Trai xã nhất mẫu tam cao, trung đồng nhất cao, Đông Tây các thất trọng cửu xích, Nam tam



Thác bản văn bia sưu tầm tại thôn Đông Trai, xã Lý Trai, huyện Đông Thành (do Viện Viễn đông Bác cổ Pháp tại Hà Nội in dập, hiện lưu giữ tại Viện Nghiên cứu Hán Nôm)

trượng bát xích, Bắc tam trượng bát xích ngũ thốn.

Tây Chợ nhị cao, Đông Tây các bát trượng nhất xích, Nam Bắc các ngũ trượng tứ xích.

Miếu Đồng nhất mẫu: Nhất cao: Đông tam trượng lục xích, Tây nhị trượng ngũ xích, Nam thất trượng tứ xích ngũ thốn, Bắc thất trượng nhị xích; Nhất cao: Đông thất trượng, Tây thất trượng ngũ xích, Nam nhị trượng tứ xích, Bắc nhị trượng nhất xích bát thốn; Nhị cao: Đông thất trượng nhị xích, Tây Nam các thất trượng, Bắc lục trượng cửu xích; Nhị cao: Đông thất trượng ngũ thốn, Tây bát trượng nhất xích, Nam ngũ trượng ngũ xích, Bắc ngũ trượng bát xích; Tứ cao: Đông Tây các bát trượng tứ xích bán, Nam thất trượng tứ xích, Bắc bát trượng ngũ xích cửu thốn.

Tại Văn Vật xã Giếng Quán xứ tứ mẫu tứ cao: Tây hoành nhị thập trượng, hiệp Yên Thống xã nhân danh Khai điền; Đông hoành nhị thập nhất trượng bát xích, hiệp Yên Thống xã nhân danh Khai điền; Nam trường ngũ thập nhị trượng hiệp tiểu lộ; Bắc trường ngũ thập trượng bát xích hiệp Yên Thống xã nhân danh Loan ruộng.

**Dịch nghĩa:**

Quốc triều trọng văn giáo, sùng đạo thánh ngày tế Đình, Văn miếu từ quốc đô đến hương ấp, điền thờ đều long trọng vậy. Hai huyện Đông Yên của ta<sup>(14)</sup> Văn miếu đã có từ lâu. Sau năm Bính Tuất (1886) bị chiến tranh tàn phá, mùa đông năm Đinh Hợi (1887) trùng tu, chính vũ, bãi đường đều 5 gian, hai nhà tả hữu thông nhau đều 3 gian. Gõ, gạch ngói, công thợ mọi kinh phí đều lấy do các vị thân hào hai huyện sai thu, dân 9 tổng đóng góp, cùng các khoản tiền quyên góp, tiền vọng<sup>(15)</sup>. Phụ dịch thì tùy việc mà bắt ở gần cho thuận tiện. Việc trừ tính do hàng thân hào trông coi cùng với nguyên

Huấn đạo<sup>(16)</sup> Lê quân Sát Trai trợ giúp cùng, việc quyên góp, sai phái do viên phủ thủ Nguyễn quân Trúc Hiên cũng hết lòng vậy. (Công trình) to lớn, việc xây dựng trải qua 6 tháng mới xong. Qua 3 năm, Phạm quân người Phụng Xuyên được vào làm ở Thương tỉnh vụ, tính toán tiền của, quyên góp của riêng, bắt đầu xây nhà giải vũ bên trái. Qua 4 năm, huyện dựng nhà giải vũ bên phải, quy mô rộng rãi, sáng sủa, một phen đổi mới vậy.

Thánh đạo ví như nguyên khí, chưa có một ngày nào mà không tồn tại, mà sùng đạo, miếu là nơi để người ta chiêm bái, tỏ lòng kính ngưỡng vậy! Nền cũ được xây mới, mọi người đều đồng lòng. Ở giữa núi Kê sông Phùng<sup>(17)</sup>, đường đàn sùng sững, há chỉ là xem cho đẹp mà thôi đâu. Mà là đạo thánh to lớn, giáo hóa của vua rộng khắp vậy. Kính cẩn chấp bái mà làm bài kí.

Đệ Tam giáp đồng Tiến sĩ xuất thân, giữ chức Phụng thành đại phu, Mã Sơn Trần Đình Phong<sup>(18)</sup> phụng soạn.

Hội Tư văn hai huyện Đông Thành, Yên Thành cùng kí.

Ngày lành tháng tốt niên hiệu Cảnh Hưng thứ 39 (1778) triều Lê, Cử nhân Vũ Văn Đề viết chữ.

**Khắc ghi ruộng:**

Đất nhà 1 mảnh: phía Đông Tây mỗi bên 12 trượng<sup>(19)</sup> 1 xích<sup>(20)</sup>, phía Nam Bắc mỗi bên 5 trượng 7 xích.

Bốn xung quanh đền thờ: phía Đông 12 trượng 1 xích, phía Tây 13 trượng 7 xích, phía Nam 13 trượng 1 xích, phía Bắc 13 trượng 1 xích cùng lúa non.

Ao sâu 1 sào 5 khẩu, phía Đông là cửa Tam Khai, phía Tây Bắc là con đường nhỏ, phía Nam gần ruộng nhà Tú tài Trương Tích, giao cho người trông coi đền lo sửa lễ giỗ Lý Hải hầu.

Lý Hải hầu đặt ruộng 1 mẫu: ở xứ Tàu hai thửa 7 sào, phía Tây giáp xứ Chợ Cồn [?] 2 thửa 3 sào, giao cho Hội Tư văn xã Lý Trai canh tác phụng thờ vào các tiết.

Hiệu sinh cúng ruộng 5 mẫu 7 sào, kê sau đây:

Tại xã Lý Trai 1 mẫu 3 sào, giữa đồng 1 sào, phía Đông Tây đều 7 trượng 9 xích, phía Nam 3 trượng 8 xích, phía Bắc 3 trượng 8 xích 5 thốn<sup>(21)</sup>.

Phía Tây chợ 2 sào, phía Đông Tây đều 8 trượng 1

## XỨ NGHỆ - ĐẤT VÀ NGƯỜI

xích, phía Nam Bắc đều 5 trượng 4 xích.

Miếu Đồng 1 mẫu: một sào phía Đông 3 trượng 6 xích, phía Tây 2 trượng 5 xích, phía Nam 7 trượng 4 xích 5 thốn, phía Bắc 7 trượng 2 xích; một sào phía Đông 7 trượng, phía Tây 7 trượng 5 xích, phía Nam 2 trượng 4 xích, phía Bắc 2 trượng 1 xích 8 thốn; 2 sào phía Đông 7 trượng 2 xích, phía Tây Nam đều 7 trượng, phía Bắc 6 trượng 9 xích; 2 sào phía Đông 7 trượng 5 thốn, phía Tây 8 trượng 1 xích, phía Nam 5 trượng 5 xích, phía Bắc 5 trượng 8 xích 4; 4 sào phía Đông Tây 8 trượng 4 xích rưỡi, phía Nam 7 trượng, phía Bắc 8 trượng 5 xích 9 thốn.

Tại xứ Giếng Quán xã Văn Vật 4 mẫu 4 sào: phía Tây chiều ngang 20 trượng, sát với ruộng nhà người tên Khải ở xã Yên Thống; phía Đông chiều ngang 21 trượng 8 xích, sát với ruộng nhà người tên Khải ở xã Yên Thống; phía Nam dài 52 trượng, sát với con đường nhỏ; phía Bắc dài 15 trượng 8 xích sát với ruộng nhà người tên Loan xã Yên Thống./.

### **Chú thích:**

<sup>(1)</sup> Trần Lê Sáng, Nguyễn Minh Tường, 2005, *Từ Văn miếu, nơi thờ các vị thánh của đạo Nho đến Văn miếu Sơn Tây nơi hội tụ văn hiến xứ Đoài, Ki yếu Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng khu di tích lịch sử, văn hóa Đường Lâm*, Nxb KHXH, tr.63.

<sup>(2)</sup> Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb Thuận Hóa, 1992, tr.168.

<sup>(3)</sup> Ninh Viết Giao chủ biên (2004), *Văn bia Nghệ An*, Nxb Nghệ An.

<sup>(4)</sup> Trong khảo sát năm 2018, chúng tôi chỉ thống kê được 24 văn bia, 1 văn chuông của Văn miếu, Văn từ, Văn chỉ của Nghệ An, xem thêm: Lê Thị Thu Hương, 2018, “Bia Văn miếu, Văn từ, Văn chỉ của Nghệ An”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An*, số 6, tr. 47.

<sup>(5)</sup> *Hoan Châu bi kí* 驩洲碑記 (VHv.277): Chữ 拜 viết thành chữ 前.

<sup>(6)</sup> *Hoan Châu bi kí* 驩洲碑記: chép 興 thành 西.

<sup>(7)</sup> *Hoan Châu bi kí* 驩洲碑記: lược chữ 煥.

<sup>(8)</sup> *Hoan Châu bi kí* 驩洲碑記: chữ 敬 viết thành 敍.

<sup>(9)</sup> *Hoan Châu bi kí* 驩洲碑記: chữ 間 viết thành 堂.

<sup>(10)</sup> *Hoan Châu bi kí* 驩洲碑記 chép thêm: “Thành Thái Giáp Ngọ xuân 咸泰甲午春”, tức năm Thành Thái thứ 6 (1894).

<sup>(11)</sup> *Hoan Châu bi kí* 驩洲碑記: chép đến đây là hết.

<sup>(12)</sup> Theo *Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm Việt Nam*, tập 2, tr.134, dòng niên đại này là ngụy tạo, niên đại ước đoán là Thành Thái thứ 4 (1892).

<sup>(13)</sup> VHv.277, tr.24 chép là “*kê sơn mã thủy chi đường* 鷄山馬水之堂”.

<sup>(14)</sup> Đông Yên: hai huyện Đông Thành và Yên Thành.

<sup>(15)</sup> Tiền vọng: nộp tiền theo định lệ để được công nhận ngôi thứ của mình ở làng xã.

<sup>(16)</sup> Huấn đạo: là hiệu quan đặt tại phủ huyện châu. Lệ thuộc quan bản phủ, khảo hạch các sinh đồ, rèn tập các học sinh. Thời Lê cũng đặt Nho học huấn đạo tại phủ. Thời Nguyễn phủ nào có Tri phủ thì đặt Giáo thụ, có Đồng tri phủ thì đặt Huấn đạo, đều 1 người.

<sup>(17)</sup> Kê Sơn: tức Kê Quan Sơn (núi Mông Gà).

Phùng Thủy: sông chảy qua làng Yên Mã xuống Diễn Châu rồi đổ vào sông Bùng.

<sup>(18)</sup> Trần Đình Phong (1848-?): người xã Yên Mã, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Nay là xã Mã Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Sinh năm Đinh Mùi, Cử nhân khoa Bính Tý (1876). Đỗ Đệ tam giáp Đồng Tiến sĩ xuất thân khoa Kỷ Mão niên hiệu Tự Đức 32 (1879), năm 32 tuổi. Làm Tri huyện Thọ Xuân, Đốc học Quảng Ngãi.

<sup>(19)</sup> Trượng: đơn vị chiều dài, mười thước ta là một trượng.

<sup>(20)</sup> Xích: đơn vị đo chiều dài, 10 tấc là 1 xích.

<sup>(21)</sup> Thốn: đơn vị đo chiều dài, tấc, bằng độ một món tay.

### **Tài liệu tham khảo:**

1. Ninh Viết Giao chủ biên (2004), *Văn bia Nghệ An*, Nxb Nghệ An.

2. Lê Thị Thu Hương, 2018, *Bia Văn miếu, Văn từ, Văn chỉ của Nghệ An*, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An*, số 6, tr. 47.

3. Trịnh Khắc Mạnh, Nguyễn Văn Nguyên, Phillippe Papin (Ban chỉ đạo chương trình), 2007, *Thư mục thác bản văn khắc Hán Nôm*, tập 2.

4. Nguyễn Văn Nguyên, 2007, *Khảo sát giám định niên đại thác bản văn bia*. Viện Cao học thực hành, Viện Viễn đông Bác cổ, Hà Nội.

5. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam nhất thống chí*, tập 2, Nxb Thuận Hóa, 1992, tr.168.

6. Trần Lê Sáng, Nguyễn Minh Tường, 2005, *Từ Văn miếu, nơi thờ các vị thánh của đạo Nho đến Văn miếu Sơn Tây nơi hội tụ văn hiến xứ Đoài, Ki yếu Bảo tồn, tôn tạo và xây dựng khu di tích lịch sử, văn hóa Đường Lâm*, Nxb KHXH, tr.63.